

Số: 225/TB-THTA

Thủy An, ngày 22 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc thu nộp tiền quản lý học sinh bán trú, trông giữ phương tiện giao thông học sinh, nước uống học sinh tháng 05/2025

Kính gửi: Quý Phụ huynh và học sinh trường TH Thủy An

Căn cứ Nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Công văn số 3308/SGDĐT-KHTC ngày 18/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện và quản lý thu chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

Căn cứ hướng dẫn số 3328/UBND-GD ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều về việc triển khai thực hiện và quản lý thu chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025 (nay là UBND thành phố Đông Triều).

Thực hiện Kế hoạch số 489/KH-THTA ngày 25/10/2024 của trường Tiểu học Thủy An về việc triển khai các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 (nay là trường Tiểu học Thủy An, thành phố Đông Triều);

Trường Tiểu học Thủy An, thành phố Đông Triều thông báo đến quý phụ huynh và học sinh về việc thực hiện thu nộp tiền quản lý học sinh bán trú, trông giữ phương tiện giao thông học sinh, nước uống học sinh tháng 05/2025, cụ thể như sau:

1. Mức thu:

- Tiền quản lý HS bán trú tháng 05/2025 : 77.000đ/hs/tháng
- Tiền nước uống học sinh tháng 05/2025: 11.000đ/hs/tháng
- Tiền trông giữ phương tiện giao thông tháng 05/2025:
+ Xe đạp: 20.000đ/hs/tháng

(Số tiền phải nộp có danh sách chi tiết kèm theo)

2. Thời gian thu: Từ ngày 22/5/2025 đến hết ngày 26/5/2025.

3. Hình thức thu:

* Cách 1: Phụ huynh học sinh thực hiện nộp tiền học cho con em mình bằng hình thức giao dịch không dùng tiền mặt: phụ huynh đóng tiền qua tài khoản của trường TH Thủy An, thành phố Đông Triều.

- Ngân hàng thụ hưởng: 8610011088 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV - CN Tây Nam Quảng Ninh)

+ Số tài khoản/số thẻ/Mã số học sinh: **Phụ huynh nhập mã học sinh** (ví dụ: *THTA2024001*)

Trong đó: THTA2024001 là mã học sinh (do nhà trường cung cấp).

+ Số tiền: Phụ huynh phải ghi đúng số tiền đã được nhà trường thông báo.

* Cách 2: Nộp trực tiếp tại văn phòng nhà trường trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

*** Chú ý:**

- Phụ huynh chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của nhà trường tại BIDV.

- Phụ huynh kiểm tra chính xác tài khoản (mã học sinh) đã được cung cấp của con em mình, tránh việc nhầm lẫn sang học sinh khác.

- Phụ huynh chuyển đúng số tiền đã được nhà trường thông báo, Không làm tròn, thêm bớt số tiền.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu
- GVCN
- Kế toán
- PHHS
- website:
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Mơ



THÔNG BÁO DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt thu: Đợt 1 tháng 5/2025

Số TT	Mã học sinh	Họ và tên học sinh	Lớp	QLHSBT	Nước uống	Gửi xe	Tổng số tiền
1	THTA2024001	Nguyễn Bảo An	1A	77.000	11.000		88.000
2	THTA2024002	Nguyễn Đăng Bảo An	1A	77.000	11.000		88.000
3	THTA2024003	Nguyễn Nhật Nam Anh	1A	77.000	11.000		88.000
4	THTA2024004	Phạm Phúc Anh	1A	77.000	11.000		88.000
5	THTA2024005	Đỗ Phương Chi	1A	77.000	11.000		88.000
6	THTA2024006	Nguyễn Minh Đăng	1A	77.000	11.000		88.000
7	THTA2024007	Nguyễn Anh Đức	1A	77.000	11.000		88.000
8	THTA2024008	Nguyễn Bảo Đức	1A	77.000	11.000		88.000
9	THTA2024009	Nguyễn Trung Đức	1A	77.000	11.000		88.000
10	THTA2024010	Lương Chí Hải	1A	77.000	11.000		88.000
11	THTA2024011	Nguyễn Bảo Gia Hân	1A	77.000	11.000		88.000
12	THTA2024012	Nguyễn Phạm Gia Hân	1A	77.000	11.000		88.000
13	THTA2024013	Đinh Lê Ngọc Huyền	1A	77.000	11.000		88.000
14	THTA2024014	Nguyễn Thái Hương	1A	77.000	11.000		88.000
15	THTA2024015	Nguyễn Minh Khang	1A	77.000	11.000		88.000
16	THTA2024016	Ngô Minh Khôi	1A	77.000	11.000		88.000
17	THTA2024017	Nguyễn Phương Linh	1A	77.000			77.000
18	THTA2024018	Nguyễn Đỗ Bảo Long	1A	77.000	11.000		88.000
19	THTA2024019	Nguyễn Hà Phương Ngân	1A	77.000	11.000		88.000
20	THTA2024020	Nguyễn Bảo Ngọc	1A	77.000	11.000		88.000
21	THTA2024021	Trần Yên Nhi	1A	77.000	11.000		88.000
22	THTA2024022	Bùi Tấn Phát	1A	77.000	11.000		88.000
23	THTA2024023	Nguyễn Phú Quốc	1A	77.000	11.000		88.000
24	THTA2024024	Trần Xuân Thành	1A	77.000	11.000		88.000
25	THTA2024025	Nguyễn Minh Trọng	1A	77.000	11.000		88.000
26	THTA2024026	Dương Thanh Tùng	1A	77.000	11.000		88.000
27	THTA2024027	Nguyễn Đức Tùng	1A	77.000	11.000		88.000
28	THTA2024028	Nguyễn Bảo Việt	1A	77.000			77.000
29	THTA2024029	Phạm Lê Đan	1A	77.000	11.000		88.000
30	THTA2024030	Nguyễn Thị Bảo An	1B	77.000	11.000		88.000
31	THTA2024031	Hồ Hà Anh	1B		11.000		11.000
32	THTA2024032	Vương Thùy Dung	1B		11.000		11.000
33	THTA2024033	Lê Đức Dương	1B	77.000	11.000		88.000
34	THTA2024034	Nguyễn Hải Hà	1B		11.000		11.000
35	THTA2024035	Phan Anh Đức Hải	1B		11.000		11.000
36	THTA2024036	Hồ Thái Khang	1B	77.000	11.000		88.000
37	THTA2024037	Đinh Gia Khánh	1B	77.000	11.000		88.000
38	THTA2024038	Nguyễn Hữu Khánh	1B	77.000	11.000		88.000
39	THTA2024039	Nguyễn Đăng Khoa	1B	77.000	11.000		88.000
40	THTA2024040	Trần Minh Khôi	1B	77.000	11.000		88.000
41	THTA2024041	Hồ Khánh Ly	1B		11.000		11.000
42	THTA2024042	Nguyễn Minh Nhật	1B		11.000		11.000
43	THTA2024043	Trần Thị Yên Nhi	1B		11.000		11.000

Số TT	Mã học sinh	Họ và tên học sinh	Lớp	QLHSBT	Nước uống	Gửi xe	Tổng số tiền
44	THTA2024044	Trần Kiều Oanh	1B		11.000		11.000
45	THTA2024045	Hoàng Đức Phúc	1B		11.000		11.000
46	THTA2024046	Nguyễn Xuân Phúc	1B	77.000	11.000		88.000
47	THTA2024047	Lương Như Quỳnh	1B	77.000			77.000
48	THTA2024048	Hà Huyền Thu	1B	77.000	11.000		88.000
49	THTA2024049	Trần Thanh Vân	1B		11.000		11.000
50	THTA2024050	Kiều Thịnh Vượng	1B	77.000	11.000		88.000
51	THTA2024051	Trần Hải Yên	1B		11.000		11.000
52	THTA2024052	Dương Tuấn Anh	1C		11.000		11.000
53	THTA2024053	Đỗ Huyền Anh	1C		11.000		11.000
54	THTA2024054	Nguyễn Quốc Anh	1C		11.000		11.000
55	THTA2024055	Bùi Gia Bảo	1C		11.000		11.000
56	THTA2024056	Nguyễn Gia Bảo	1C		11.000		11.000
57	THTA2024057	Nguyễn Quốc Bảo	1C		11.000		11.000
58	THTA2024058	Nguyễn Đức Duy	1C		11.000		11.000
59	THTA2024059	Nguyễn Quang Huy	1C		11.000		11.000
60	THTA2024060	Nguyễn Thị Liên	1C		11.000		11.000
61	THTA2024061	Nguyễn Thị Kim Ngân	1C		11.000		11.000
62	THTA2024062	Nguyễn Văn Sơn	1C		11.000		11.000
63	THTA2024063	Vũ Duy Trường	1C		11.000		11.000
64	THTA2024064	Nguyễn Hải Yên	1C		11.000		11.000
65	THTA2024065	Lê Hồng An	2A	77.000	11.000		88.000
66	THTA2024066	Nguyễn Ngọc Bình An	2A	77.000	11.000		88.000
67	THTA2024067	Cao Quế Anh	2A	77.000	11.000		88.000
68	THTA2024068	Ngô Hoàng Anh	2A	77.000	11.000		88.000
69	THTA2024069	Nguyễn Minh Anh	2A	77.000	11.000		88.000
70	THTA2024070	Phạm Ngọc Ánh	2A	77.000	11.000		88.000
71	THTA2024071	Bùi Bảo Bảo	2A	77.000	11.000		88.000
72	THTA2024072	Nguyễn Ngọc Minh Châu	2A		11.000		11.000
73	THTA2024073	Nguyễn Thuỳ Chi	2A	77.000	11.000		88.000
74	THTA2024074	Trần Khánh Chi	2A	77.000	11.000		88.000
75	THTA2024075	Nguyễn Thành Duy	2A	77.000	11.000		88.000
76	THTA2024076	Nguyễn Linh Đan	2A	77.000	11.000		88.000
77	THTA2024077	Vũ Minh Đức	2A	77.000	11.000		88.000
78	THTA2024078	Nguyễn Gia Hân	2A	77.000	11.000		88.000
79	THTA2024079	Kiều Minh Khang	2A	77.000	11.000		88.000
80	THTA2024080	Phạm Gia Khang	2A	77.000	11.000		88.000
81	THTA2024081	Phạm Minh Khang	2A	77.000	11.000		88.000
82	THTA2024082	Nguyễn Tùng Lâm	2A	77.000	11.000		88.000
83	THTA2024083	Vũ Tùng Lâm	2A	77.000	11.000		88.000
84	THTA2024084	Bùi Thị Thuỳ Linh	2A				0
85	THTA2024085	Trần Nguyễn Diễm Linh	2A	77.000	11.000		88.000
86	THTA2024086	Nguyễn Bá Nhật Minh	2A	77.000	11.000		88.000
87	THTA2024087	Nguyễn Nhật Minh	2A	77.000	11.000		88.000
88	THTA2024088	Nguyễn Thị Nga	2A	77.000	11.000		88.000
89	THTA2024089	Nguyễn Bảo Ngọc	2A	77.000	11.000		88.000
90	THTA2024090	Kiều Phong	2A	77.000	11.000		88.000
91	THTA2024091	Trần Hà Phương A	2A	77.000	11.000		88.000

Số TT	Mã học sinh	Họ và tên học sinh	Lớp	QLHSBT	Nước uống	Gửi xe	Tổng số tiền
92	THTA2024092	Trần Hà Phương B	2A	77.000	11.000		88.000
93	THTA2024093	Trần Đức Thọ	2A	77.000	11.000		88.000
94	THTA2024094	Dương Hoài Thu	2A	77.000	11.000		88.000
95	THTA2024095	Nguyễn Anh Thư	2A	77.000	11.000		88.000
96	THTA2024096	Trần Đức Toàn	2A		11.000		11.000
97	THTA2024097	Nguyễn Thu Trà	2A		11.000		11.000
98	THTA2024098	Lê Ngọc Bảo Uyên	2A		11.000		11.000
99	THTA2024099	Hồ Hà An	2B	77.000	11.000		88.000
100	THTA2024100	Kiều Linh Đan	2B				0
101	THTA2024101	Đinh Thị Thuý Hằng	2B	77.000	11.000		88.000
102	THTA2024102	Lê Thị Thúy Hiền	2B		11.000		11.000
103	THTA2024103	Vũ Thị Mai Hoa	2B				0
104	THTA2024104	Nguyễn Gia Khánh	2B		11.000		11.000
105	THTA2024105	Trần Đức Khôi	2B		11.000		11.000
106	THTA2024106	Trần Ngô Bảo Lâm	2B	77.000	11.000		88.000
107	THTA2024107	Phạm Đàm Gia Linh	2B		11.000		11.000
108	THTA2024108	Vũ Thành Long	2B		11.000		11.000
109	THTA2024109	Phạm Thị Thanh Mai	2B		11.000		11.000
110	THTA2024110	Hoàng Nhật Minh	2B		11.000		11.000
111	THTA2024111	Lê Bảo Minh	2B		11.000		11.000
112	THTA2024112	Nguyễn Trà My	2B		11.000		11.000
113	THTA2024113	Hồ Bảo Ngân	2B		11.000		11.000
114	THTA2024114	Trịnh Yến Nhi	2B		11.000		11.000
115	THTA2024115	Đỗ Duy Phúc	2B		11.000		11.000
116	THTA2024116	Ngô Đình Sơn	2B		11.000		11.000
117	THTA2024117	Kiều Tuấn Thiện	2B		11.000		11.000
118	THTA2024118	Nguyễn Bùi Chú Trọng	2B		11.000		11.000
119	THTA2024119	Nguyễn Anh Tú	2B		11.000		11.000
120	THTA2024120	Nguyễn Tường Vy	2B		11.000		11.000
121	THTA2024121	Nguyễn Hoàng Minh Anh	2B	77.000	11.000		88.000
122	THTA2024122	Đào Thị Quỳnh Anh	2C		11.000		11.000
123	THTA2024123	Nguyễn Trần Bảo Anh	2C		11.000		11.000
124	THTA2024124	Nguyễn Lê Quỳnh Chi	2C		11.000		11.000
125	THTA2024125	Dương Tuấn Khang	2C		11.000		11.000
126	THTA2024126	Phạm Minh Khang	2C		11.000		11.000
127	THTA2024127	Nguyễn Gia Linh	2C		11.000		11.000
128	THTA2024128	Phạm Thị Diễm My	2C		11.000		11.000
129	THTA2024129	Nguyễn Anh Minh	2C		11.000		11.000
130	THTA2024130	Nguyễn Quang Minh	2C		11.000		11.000
131	THTA2024131	Trần An Nhiên	2C		11.000		11.000
132	THTA2024132	Nguyễn Lâm Hải Linh	2C		11.000		11.000
133	THTA2024133	Nguyễn Thị Thu	2C		11.000		11.000
134	THTA2024134	Trần Thanh Tùng	2C		11.000		11.000
135	THTA2024135	Lê Đức Duy	2C		11.000		11.000
136	THTA2024136	Trần Tùng Lâm	2C		11.000		11.000
137	THTA2024137	Vũ Thị Kim Ngân	2C		11.000		11.000
138	THTA2024138	Ngô Việt An	3A		11.000	20.000	31.000
139	THTA2024139	Nguyễn Duy An	3A	77.000	11.000	20.000	108.000

Số TT	Mã học sinh	Họ và tên học sinh	Lớp	QLHSBT	Nước uống	Gửi xe	Tổng số tiền
140	THTA2024140	Nguyễn Thủy An	3A	77.000	11.000		88.000
141	THTA2024141	Trần Hoài Anh	3A		11.000		11.000
142	THTA2024142	Kiều Trí Dũng	3A	77.000	11.000		88.000
143	THTA2024143	Nguyễn Trần Thùy Dương	3A		11.000	20.000	31.000
144	THTA2024144	Nguyễn Khánh Đan	3A	77.000	11.000		88.000
145	THTA2024145	Kiều Bảo Hân	3A	77.000	11.000		88.000
146	THTA2024146	Trần Thanh Hòa	3A	77.000	11.000	20.000	108.000
147	THTA2024147	Trần Đức Huy	3A		11.000	20.000	31.000
148	THTA2024148	Nguyễn Gia Hưng	3A	77.000	11.000	20.000	108.000
149	THTA2024149	Trần Minh Khang	3A	77.000	11.000	20.000	108.000
150	THTA2024150	Đoàn Bảo Khánh	3A	77.000	11.000		88.000
151	THTA2024151	Nguyễn Ngọc Lâm	3A	77.000	11.000		88.000
152	THTA2024152	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	3A	77.000	11.000	20.000	108.000
153	THTA2024153	Vũ Diệu Linh	3A	77.000	11.000		88.000
154	THTA2024154	Vũ Nhật Minh	3A	77.000	11.000		88.000
155	THTA2024155	Vũ Huyền Diễm My	3A	77.000	11.000		88.000
156	THTA2024156	Nguyễn Thành Nam	3A	77.000	11.000	20.000	108.000
157	THTA2024157	Nguyễn Thị Thu Ngân	3A		11.000		11.000
158	THTA2024158	Hoàng Minh Nhật	3A	77.000	11.000		88.000
159	THTA2024159	Ngô Ánh Phương	3A		11.000		11.000
160	THTA2024160	Trần Minh Quân	3A	77.000	11.000	20.000	108.000
161	THTA2024161	Trần Thanh Thảo	3A	77.000	11.000		88.000
162	THTA2024162	Nguyễn Phạm Thủy Tiên	3A		11.000	20.000	31.000
163	THTA2024163	Nguyễn Minh Tiến	3A	77.000			77.000
164	THTA2024164	Nguyễn Duy Tùng	3A	77.000	11.000	20.000	108.000
165	THTA2024165	Nguyễn Khánh Vy	3A		11.000	20.000	31.000
166	THTA2024166	Phạm Thảo Vy	3A		11.000	20.000	31.000
167	THTA2024167	Đỗ Như Ý	3A	77.000	11.000	20.000	108.000
168	THTA2024168	Kiều Phương Anh	3B	77.000	11.000		88.000
169	THTA2024169	Nguyễn Hải Anh	3B		11.000	20.000	31.000
170	THTA2024170	Nguyễn Gia Bảo	3B		11.000	20.000	31.000
171	THTA2024171	Phạm Mai Chi	3B				0
172	THTA2024172	Trần Thị Quỳnh chi	3B		11.000	20.000	31.000
173	THTA2024173	Nguyễn Quang Đàm	3B		11.000	20.000	31.000
174	THTA2024174	Nguyễn Tiến Đạt	3B		11.000		11.000
175	THTA2024175	Nguyễn Minh Đức	3B	77.000	11.000		88.000
176	THTA2024176	Phùng Ngọc Hà	3B		11.000	20.000	31.000
177	THTA2024177	Vũ Đại Hiệp	3B	77.000	11.000	20.000	108.000
178	THTA2024178	Lê Khánh Huyền	3B		11.000		11.000
179	THTA2024179	Ngô Thanh Huyền	3B		11.000		11.000
180	THTA2024180	Trần Khánh Huyền	3B		11.000	20.000	31.000
181	THTA2024181	Nguyễn Duy Khánh	3B		11.000	20.000	31.000
182	THTA2024182	Phạm Đoàn Anh Khoa	3B	77.000	11.000		88.000
183	THTA2024183	Ngô Minh Khôi	3B		11.000		11.000
184	THTA2024184	Nguyễn Tuấn Kiệt	3B		11.000		11.000
185	THTA2024185	Nguyễn Thị Ngọc Lan	3B		11.000	20.000	31.000
186	THTA2024186	Hoàng Diệu Linh	3B		11.000		11.000
187	THTA2024187	Đinh Hải Long	3B		11.000	20.000	31.000

Số TT	Mã học sinh	Họ và tên học sinh	Lớp	QLHSBT	Nước uống	Gửi xe	Tổng số tiền
188	THTA2024188	Nguyễn Việt Long	3B	77.000	11.000		88.000
189	THTA2024189	Nguyễn Đức Lộc	3B		11.000	20.000	31.000
190	THTA2024190	Nguyễn Quang Minh	3B		11.000	20.000	31.000
191	THTA2024191	Hoàng Kim Ngân	3B		11.000		11.000
192	THTA2024192	Trần Kim Ngân	3B	77.000	11.000		88.000
193	THTA2024193	Vũ Thị Thanh Nhân	3B		11.000	20.000	31.000
194	THTA2024194	Vương Yến Nhi	3B		11.000	20.000	31.000
195	THTA2024195	Nguyễn Bá Quang	3B		11.000	20.000	31.000
196	THTA2024196	Nguyễn Hải Quỳnh	3B		11.000	20.000	31.000
197	THTA2024197	Nguyễn Dương Đức Tùng	3B		11.000		11.000
198	THTA2024198	Nguyễn Thái Mỹ	3B		11.000	20.000	31.000
199	THTA2024199	Nguyễn Đạt Bảo An	3C	77.000	11.000		88.000
200	THTA2024200	Nguyễn Tiến Anh	3C	77.000	11.000	20.000	108.000
201	THTA2024201	Mai Đức Cường	3C	77.000	11.000		88.000
202	THTA2024202	Nguyễn Minh Đức	3C		11.000	20.000	31.000
203	THTA2024203	Nguyễn Trần Đức	3C	77.000	11.000		88.000
204	THTA2024204	Đỗ Thị Thúy Hằng	3C	77.000	11.000	20.000	108.000
205	THTA2024205	Nguyễn Thị Thu Hiền	3C		11.000		11.000
206	THTA2024206	Nguyễn Việt Tuấn Hưng	3C		11.000	20.000	31.000
207	THTA2024207	Đỗ Minh Khánh	3C	77.000	11.000	20.000	108.000
208	THTA2024208	Bùi Đình Khải	3C		11.000		11.000
209	THTA2024209	Đỗ Ngọc Lan	3C	77.000	11.000	20.000	108.000
210	THTA2024210	Nguyễn Duy Mạnh	3C	77.000	11.000	20.000	108.000
211	THTA2024211	Hoàng Đăng Nguyên	3C		11.000		11.000
212	THTA2024212	Đỗ Ngọc Sơn	3C	77.000	11.000		88.000
213	THTA2024213	Nguyễn Việt Thế	3C				0
214	THTA2024214	Vũ Văn Thịnh	3C	77.000	11.000	20.000	108.000
215	THTA2024215	Nguyễn Việt Tiến	3C				0
216	THTA2024216	Nguyễn Đại Tín	3C	77.000	11.000	20.000	108.000
217	THTA2024217	Nguyễn Huyền Trang	3C	77.000	11.000	20.000	108.000
218	THTA2024218	Phạm Đức Trọng	3C	77.000	11.000	20.000	108.000
219	THTA2024219	Nguyễn Thành Lâm	3C	77.000	11.000	20.000	108.000
220	THTA2024220	Lê Nguyễn Bảo An	4A	77.000	11.000	20.000	108.000
221	THTA2024221	Lương Kiều Khánh An	4A	77.000	11.000		88.000
222	THTA2024222	Phạm Bảo An	4A	77.000			77.000
223	THTA2024223	Hoàng Bảo Anh	4A		11.000		11.000
224	THTA2024224	Nguyễn Bảo Anh	4A		11.000	20.000	31.000
225	THTA2024225	Nguyễn Bích Anh	4A		11.000	20.000	31.000
226	THTA2024226	Phạm Phương Anh	4A	77.000	11.000		88.000
227	THTA2024227	Nguyễn Kim Bảo	4A		11.000	20.000	31.000
228	THTA2024228	Nguyễn Quỳnh Chi	4A	77.000	11.000		88.000
229	THTA2024229	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	4A		11.000	20.000	31.000
230	THTA2024230	Ngô Minh Dũng	4A	77.000	11.000	20.000	108.000
231	THTA2024231	Đỗ Hoàng Dương	4A	77.000	11.000	20.000	108.000
232	THTA2024232	Nguyễn Ánh Dương	4A	77.000	11.000	20.000	108.000
233	THTA2024233	Nguyễn Khắc Giáp	4A	77.000	11.000		88.000
234	THTA2024234	Trần Gia Hân	4A		11.000	20.000	31.000
235	THTA2024235	Bùi Đức Lâm	4A	77.000	11.000		88.000

Số TT	Mã học sinh	Họ và tên học sinh	Lớp	QLHSBT	Nước uống	Gửi xe	Tổng số tiền
236	THTA2024236	Nguyễn Hoàng Lâm	4A		11.000		11.000
237	THTA2024237	Nguyễn Khánh Linh	4A		11.000	20.000	31.000
238	THTA2024238	Trần Thị Nhật Linh	4A		11.000	20.000	31.000
239	THTA2024239	Nguyễn Quỳnh Mai	4A		11.000	20.000	31.000
240	THTA2024240	Nguyễn Thanh Mai	4A		11.000	20.000	31.000
241	THTA2024241	Đàm Trần Nhật Minh	4A		11.000	20.000	31.000
242	THTA2024242	Phạm Quang Minh	4A		11.000	20.000	31.000
243	THTA2024243	Nguyễn Bảo Nam	4A		11.000	20.000	31.000
244	THTA2024244	Nguyễn Ánh Ngọc	4A	77.000	11.000	20.000	108.000
245	THTA2024245	Vũ Ngọc Nhi	4A	77.000	11.000		88.000
246	THTA2024246	Nguyễn Hùng Phát	4A	77.000	11.000	20.000	108.000
247	THTA2024247	Trần Đức Phát	4A		11.000	20.000	31.000
248	THTA2024248	Phạm Phúc Thiện	4A	77.000	11.000	20.000	108.000
249	THTA2024249	Nguyễn Minh Tú	4A	77.000	11.000	20.000	108.000
250	THTA2024250	Nguyễn Thị Thanh Tú	4A	77.000	11.000		88.000
251	THTA2024251	Trần Quốc Việt	4A	77.000	11.000		88.000
252	THTA2024252	Trần Thị Hoài An	4B		11.000	20.000	31.000
253	THTA2024253	Vương Hoàng Khả Hân	4B		11.000	20.000	31.000
254	THTA2024254	Vũ Trung Hiếu	4B		11.000		11.000
255	THTA2024255	Lê Quang Huy	4B		11.000		11.000
256	THTA2024256	Trịnh Minh Nguyên	4B		11.000	20.000	31.000
257	THTA2024257	Nguyễn Thu Thủy	4B		11.000	20.000	31.000
258	THTA2024258	Trần Đức Trung	4B		11.000	20.000	31.000
259	THTA2024259	Nguyễn Thanh Tùng	4B	77.000	11.000		88.000
260	THTA2024260	Nguyễn Bảo Ngọc	4B		11.000	20.000	31.000
261	THTA2024261	Nguyễn Đức Anh	4B	77.000	11.000	20.000	108.000
262	THTA2024262	Nguyễn Phương Anh	4B	77.000	11.000	20.000	108.000
263	THTA2024263	Nguyễn Việt Anh	4B		11.000	20.000	31.000
264	THTA2024264	Đào Đức Công	4B		11.000	20.000	31.000
265	THTA2024265	Dương Ngọc Hà	4B		11.000	20.000	31.000
266	THTA2024266	Nguyễn Văn Hải	4B		11.000		11.000
267	THTA2024267	Nguyễn Thị Hào	4B	77.000	11.000	20.000	108.000
268	THTA2024268	Nguyễn Gia Huy	4B		11.000	20.000	31.000
269	THTA2024269	Đinh Bảo Khánh	4B	77.000	11.000	20.000	108.000
270	THTA2024270	Lê Ngân Khánh	4B	77.000	11.000	20.000	108.000
271	THTA2024271	Nguyễn Thị Thu Ngân	4B		11.000	20.000	31.000
272	THTA2024272	Hoàng Yến Nhi	4B		11.000	20.000	31.000
273	THTA2024273	Nguyễn Văn Phong	4B	77.000	11.000	20.000	108.000
274	THTA2024274	Nguyễn Thị Phương Thảo	4B		11.000	20.000	31.000
275	THTA2024275	Nguyễn Việt Trường	4B		11.000	20.000	31.000
276	THTA2024276	Nguyễn Anh Tuấn	4B	77.000	11.000		88.000
277	THTA2024277	Đào Thanh Vân	4B		11.000		11.000
278	THTA2024278	Nguyễn Tường Vy	4B		11.000	20.000	31.000
279	THTA2024279	Nguyễn Huy Hoàng	4B	77.000	11.000	20.000	108.000
280	THTA2024280	Trương Kiều My	4B		11.000		11.000
281	THTA2024281	Lê Bình An	5A		11.000	20.000	31.000
282	THTA2024282	Trần Thị Bảo An	5A			20.000	20.000
283	THTA2024283	Phạm Ngọc Anh	5A	77.000			77.000

Số TT	Mã học sinh	Họ và tên học sinh	Lớp	QLHSBT	Nước uống	Gửi xe	Tổng số tiền
284	THTA2024284	Nguyễn Gia Bảo	5A		11.000	20.000	31.000
285	THTA2024285	Cao Khánh Chi	5A		11.000	20.000	31.000
286	THTA2024286	Nguyễn Diệp Quỳnh Chi	5A	77.000	11.000		88.000
287	THTA2024287	Nguyễn Quỳnh Chi	5A				0
288	THTA2024288	Ngô Thị Ngọc Diệp	5A		11.000		11.000
289	THTA2024289	Trần Ngọc Hân	5A		11.000	20.000	31.000
290	THTA2024290	Bùi Minh Khang	5A	77.000	11.000	20.000	108.000
291	THTA2024291	Trần Tuấn Kiệt	5A		11.000	20.000	31.000
292	THTA2024292	Kiều Phương Linh	5A		11.000	20.000	31.000
293	THTA2024293	Vũ Như Mai	5A		11.000	20.000	31.000
294	THTA2024294	Ngô Quang Minh	5A		11.000	20.000	31.000
295	THTA2024295	Nguyễn Đức Minh	5A		11.000	20.000	31.000
296	THTA2024296	Nguyễn Hải Minh	5A		11.000	20.000	31.000
297	THTA2024297	Ngô Quốc Trọng	5A		11.000	20.000	31.000
298	THTA2024298	Lê Minh Tuấn	5A		11.000	20.000	31.000
299	THTA2024299	Nguyễn Thanh Tú	5A		11.000	20.000	31.000
300	THTA2024300	Nguyễn Tuấn Tú	5A		11.000	20.000	31.000
301	THTA2024301	Hà Quang Vinh	5A		11.000	20.000	31.000
302	THTA2024302	Lương Thế Vinh	5A	77.000			77.000
303	THTA2024303	Đặng Thảo Vy	5A		11.000	20.000	31.000
304	THTA2024304	Phạm Ngọc Yên	5A		11.000	20.000	31.000
305	THTA2024305	Trần Ngọc Ánh	5A		11.000	20.000	31.000
306	THTA2024306	Trần Thị Ngọc Anh	5A		11.000	20.000	31.000
307	THTA2024307	Nguyễn Khánh Bảo	5A		11.000	20.000	31.000
308	THTA2024308	Nguyễn Thị Hương Giang	5A		11.000	20.000	31.000
309	THTA2024309	Nguyễn Bá Hiếu	5A		11.000	20.000	31.000
310	THTA2024310	Nguyễn Minh Kiệt	5A		11.000	20.000	31.000
311	THTA2024311	Nguyễn Đỗ Nhi	5A	77.000	11.000	20.000	108.000
312	THTA2024312	Nguyễn Thị Thu Thủy	5A	77.000	11.000	20.000	108.000
313	THTA2024313	Nguyễn Việt Trung	5A		11.000	20.000	31.000
314	THTA2024314	Nguyễn Thị Hà Linh	5A			20.000	20.000
315	THTA2024315	Nguyễn Thị Quỳnh	5A	77.000	11.000		88.000
316	THTA2024316	Nguyễn Nhật Huy	5A	77.000	11.000	20.000	108.000
317	THTA2024317	Nguyễn Bảo An	5B		11.000	20.000	31.000
318	THTA2024318	Nguyễn Đức Thành An	5B	77.000	11.000	20.000	108.000
319	THTA2024319	Lại Thế Anh	5B		11.000	20.000	31.000
320	THTA2024320	Phạm Vũ Ngọc Anh	5B	77.000	11.000	20.000	108.000
321	THTA2024321	Phạm Gia Bảo	5B		11.000	20.000	31.000
322	THTA2024322	Khúc Ngọc Gia Bảo	5B		11.000	20.000	31.000
323	THTA2024323	Trần Ngọc Diệp	5B		11.000	20.000	31.000
324	THTA2024324	Nguyễn Tiến Doanh	5B		11.000		11.000
325	THTA2024325	Hà Minh Dũng	5B	77.000			77.000
326	THTA2024326	Nguyễn Tân Dũng	5B	77.000	11.000	20.000	108.000
327	THTA2024327	Nguyễn Tiến Dũng	5B		11.000	20.000	31.000
328	THTA2024328	Hồ Ánh Dương	5B		11.000		11.000
329	THTA2024329	Ngô Thùy Duyên	5B		11.000	20.000	31.000
330	THTA2024330	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	5B		11.000	20.000	31.000
331	THTA2024331	Quyên Phạm Gia Hân	5B		11.000	20.000	31.000

Số TT	Mã học sinh	Họ và tên học sinh	Lớp	QLHSBT	Nước uống	Gửi xe	Tổng số tiền
332	THTA2024332	Nguyễn Trí Khang	5B		11.000	20.000	31.000
333	THTA2024333	Đỗ Thị Hương Lan	5B	77.000	11.000	20.000	108.000
334	THTA2024334	Phan Thuỳ Linh	5B		11.000	20.000	31.000
335	THTA2024335	Vũ Khánh My	5B				0
336	THTA2024336	Vũ Trà My	5B		11.000	20.000	31.000
337	THTA2024337	Phùng Quang Nhật	5B	77.000	11.000	20.000	108.000
338	THTA2024338	Hoàng Nhật Ninh	5B		11.000	20.000	31.000
339	THTA2024339	Nguyễn Kim Phụng	5B		11.000	20.000	31.000
340	THTA2024340	Phạm Thành Sang	5B	77.000	11.000	20.000	108.000
341	THTA2024341	Nguyễn Kim Hoàng Sơn	5B		11.000	20.000	31.000
342	THTA2024342	Nguyễn Trần Thành	5B	77.000	11.000		88.000
343	THTA2024343	Nguyễn Trường Thành	5B	77.000	11.000		88.000
344	THTA2024344	Nguyễn Phương Thảo A	5B	77.000	11.000		88.000
345	THTA2024345	Nguyễn Phương Thảo B	5B	77.000	11.000	20.000	108.000
346	THTA2024346	Lê Anh Thư	5B		11.000	20.000	31.000
347	THTA2024347	Nguyễn Minh Thư	5B		11.000	20.000	31.000
348	THTA2024348	Nguyễn Việt Toàn	5B		11.000	20.000	31.000
349	THTA2024349	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	5B				0
350	THTA2024350	Phạm Hoàng Việt	5B		11.000		11.000
351	THTA2024351	Nguyễn Đàm Hải Yến	5B	77.000			77.000
		Cộng		12.320.000	3.641.000	2.840.000	18.801.000

Mười tám triệu tám trăm lẻ một ngàn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP

Dương Xuân Dân

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mơ